

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CƠ KHÍ ĐẠI QUANG MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CƠ KHÍ ĐẠI QUANG MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI QUANG MINH CONSTRUCTION MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110406154

3. Ngày thành lập: 04/07/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 18, ngách 4/11, ngõ 11, đường Thanh Lâm, tổ dân phố 2, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0869.305.586

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công lắp đặt cổng, hàng rào, lan can	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng hàng rào, lan can	4390
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ.	4530
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không bao gồm nông, lâm sản và động vật mà pháp luật cấm, hạn chế kinh doanh)	4620
8.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
9.	Bán buôn thực phẩm	4632
10.	Bán buôn đồ uống (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật)	4633
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị máy công nghiệp;	4659
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm vàng và kim loại mà theo quy định pháp luật cấm kinh doanh hoặc hạn chế kinh doanh và chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật)	4662
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; Bán buôn sơn và vecsni; Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, Ống dẫn, khớp nối, cút chữ T, ống cao su.	4663
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn phân bón; kinh doanh hóa chất khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng quy định pháp luật (không bao gồm hóa chất nhà nước cấm kinh doanh hoặc hạn chế kinh doanh)	4669
20.	Khai thác gỗ (Chỉ được hoạt động khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng quy định pháp luật)	0220
21.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Chỉ được hoạt động khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng quy định pháp luật)	0231
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập, khẩu hàng hóa (không bao gồm: hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu)	8299
23.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (Không bao gồm hàng hóa, dịch vụ, hoạt động kinh doanh khác mã theo quy định pháp luật cấm hoặc hạn chế kinh doanh)	9321

24.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng quy định pháp luật (Không bao gồm: Hoạt động của các sàn nhảy, không bao gồm hàng hóa dịch vụ, hoạt động kinh doanh khác mà theo quy định pháp luật cấm hoặc hạn chế kinh doanh)	9329
25.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
26.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
27.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
28.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
29.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
30.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
31.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
32.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
33.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
34.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
35.	Cho thuê xe có động cơ	7710
36.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
37.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Chỉ được hoạt động khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng quy định pháp luật)	0730
38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
39.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón (Chỉ được hoạt động khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng quy định pháp luật)	0891
40.	Khai thác và thu gom than bùn (Chỉ được hoạt động khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng quy định pháp luật)	0892
41.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
42.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
43.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
44.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

45.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo đúng quy định pháp luật	1104
46.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
47.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
48.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
49.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
50.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
51.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
52.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
53.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
54.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
55.	Đúc sắt, thép	2431
56.	Đúc kim loại màu	2432
57.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất hàng rào, cổng, lan can	2511
58.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
59.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
60.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí, sơn tĩnh điện	2592(Chính)
61.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
62.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
63.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
64.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
65.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
66.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
67.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
68.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
69.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
71.	Bốc xếp hàng hóa	5224
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

73.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
74.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh: quầy bar và chỉ kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5610
75.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5621
76.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh: quầy bar và chỉ kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5630
77.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
78.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
79.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
80.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Trừ đồ chơi, trò chơi Nhà nước cấm)	3240
81.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)	3290
82.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
83.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
84.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
85.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
86.	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
87.	Xây dựng nhà để ở	4101
88.	Xây dựng nhà không để ở	4102
89.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
90.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
91.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
92.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
93.	Phá dỡ	4311
94.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự)	4312
95.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
96.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
97.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
98.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
99.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐÀO NGỌC TUẤN	Số nhà 16, ngách 4/11, ngõ 11, đường Thanh Lâm, tổ dân phố 2, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	175.000	1.750.000.000	35,000	0340820008 09	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	175.000	1.750.000.000	35,000		
2	NGUYỄN THỊ HUỆ	Số nhà 16, ngách 4/11, ngõ 11, đường Thanh Lâm, tổ dân phố 2, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	60,000	0371920029 70	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	60,000		

3	ĐÀO THỊ NINH	Thôn Trung Chính, Xã Xích Thổ, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	037162010910
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐÀO NGỌC TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 21/11/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034082000809

Ngày cấp: 21/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 16, ngách 4/11, ngõ 11, đường Thanh Lãm, tổ dân phố 2, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 16, ngách 4/11, ngõ 11, đường Thanh Lãm, tổ dân phố 2, Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội